

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2012



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GỐM SỨ VIỆT**

742/5 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Đt: 848.38457699 – Fax: 848.38457388

# VCI – BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

## MỤC LỤC

### IV- GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 02 Thông tin chung
- 03 Quá trình hình thành và phát triển
- 04 Tầm nhìn – Định hướng
- 06 Ngành nghề – Địa bàn kinh doanh
- 07 Đối tác – Khách hàng thân thiết
- 08 Cơ cấu tổ chức
- 09 Rủi ro

### V- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 12 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 13 Tổ chức và nhân sự
- 15 Tình hình tài chính
- 16 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### VI- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 19 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 20 Tình hình tài chính
- 21 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 22 Kế hoạch phát triển

### I- BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 24 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 25 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 26 Kế hoạch – Định hướng của HĐQT

### II- QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 28 Hội đồng Quản trị
- 29 Ban Kiểm soát
- 30 Thay đổi nhân sự HĐQT, BKS trong năm
- 30 Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn

### III- BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 32 Ý kiến kiểm toán
- 34 Báo cáo tài chính kiểm toán



# GIỚI THIỆU CÔNG TY

02 Thông tin chung

03 Quá trình hình thành và phát triển

04 Tầm nhìn - Định hướng

06 Ngành nghề - Địa bàn kinh doanh

07 Đối tác - Khách hàng thân thiết

08 Cơ cấu tổ chức

09 Rủi ro



## THÔNG TIN CHUNG

### TÊN GIAO DỊCH

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt

### GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH

### DOANH

0311028311 cấp ngày 30 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi lần 6 vào ngày 04 tháng 01 năm 2013.

### VỐN ĐIỀU LỆ

24,250,600,000 đồng

### ĐỊA CHỈ

742/5 Nguyễn Kiệm, phường 4, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

### DIỆN THOẠI

(84-8) 38457699

### FAX

(08) 38457388

### WEBSITE

[www.vietceramics.com.vn](http://www.vietceramics.com.vn)

## THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

### KHO THỦ ĐỨC

Số 2 Xa Lộ Trường Sơn, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức

ĐT: 3727.3066/3500 -- Fax: 37271997

### SHOWROOM SỰ VẠN HẠNH

768 Sự Vạn Hạnh(núi dãi), Phường 12, Quận 10

ĐT: 6264.8878/79 -- Fax: 38.626.835

### SHOWROOM TÔ HIỂN THÀNH

207 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10

ĐT: 38.684.784/85-- Fax: 38.684782



**TECHCOMBANK**

### Techcombank

**Tên tài khoản:** Công ty Cổ Phần Quốc tế Gốm Sứ Việt

**Số tài khoản:** 10224711072016

Ngân hàng Techcombank – Chi nhánh TPHCM



### Maritimebank

**Tên tài khoản:** Công ty Cổ Phần Quốc tế Gốm Sứ Việt

**Số tài khoản:** 042.01.01.0161983

Ngân hàng Maritimebank – Chi nhánh Đô Thành

## HÀ NỘI

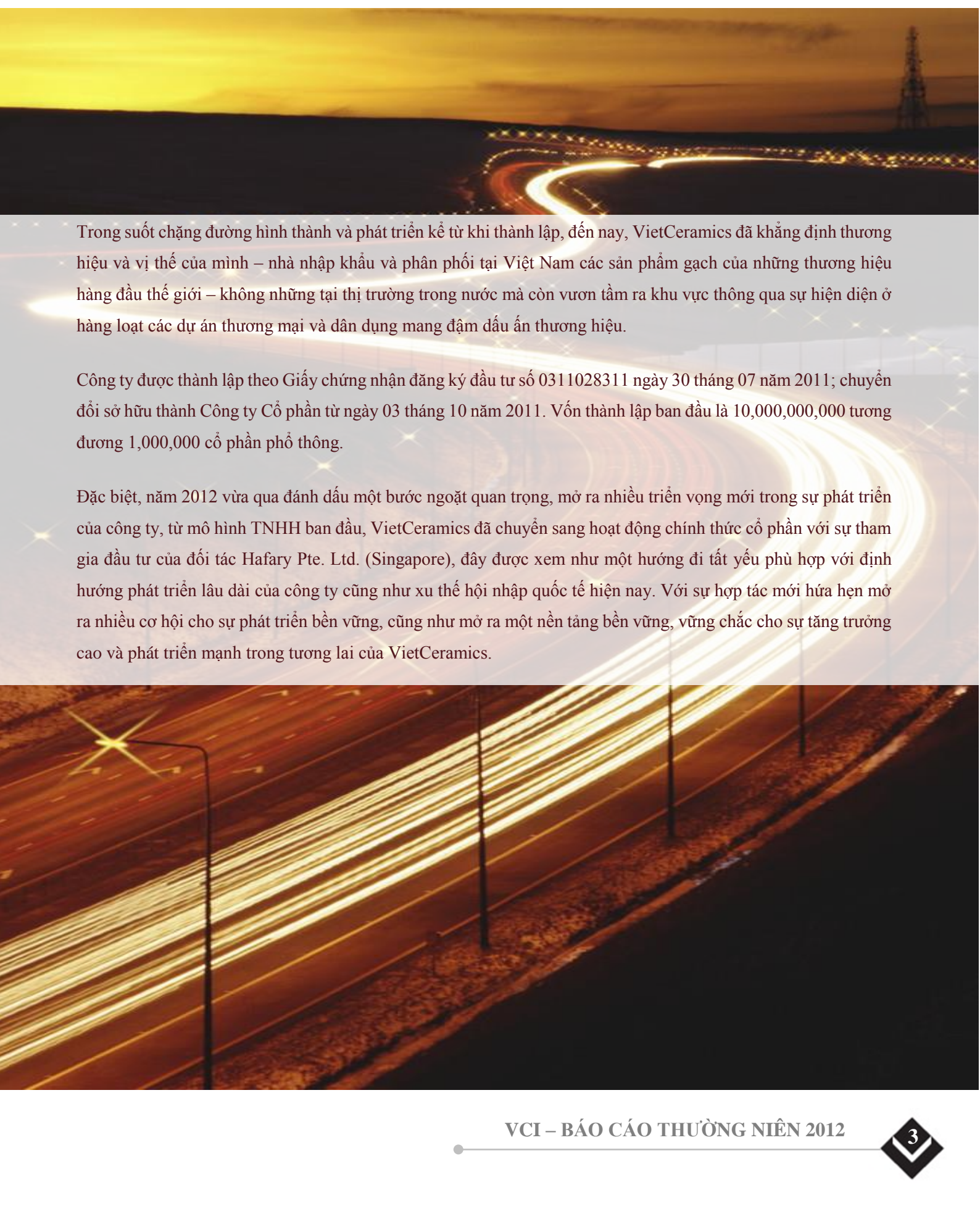
### CHI NHÁNH HÀ NỘI

210 Xã Đàn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 04.3573.7829 -- Fax: 04.3573.7835



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển kể từ khi thành lập, đến nay, VietCeramics đã khẳng định thương hiệu và vị thế của mình – nhà nhập khẩu và phân phối tại Việt Nam các sản phẩm gạch của những thương hiệu hàng đầu thế giới – không những tại thị trường trong nước mà còn vươn tầm ra khu vực thông qua sự hiện diện ở hàng loạt các dự án thương mại và dân dụng mang đậm dấu ấn thương hiệu.

Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011; chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần từ ngày 03 tháng 10 năm 2011. Vốn thành lập ban đầu là 10,000,000,000 tương đương 1,000,000 cổ phần phổ thông.

Đặc biệt, năm 2012 vừa qua đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, mở ra nhiều triển vọng mới trong sự phát triển của công ty, từ mô hình TNHH ban đầu, VietCeramics đã chuyển sang hoạt động chính thức cổ phần với sự tham gia đầu tư của đối tác Hafary Pte. Ltd. (Singapore), đây được xem như một hướng đi tất yếu phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của công ty cũng như xu thế hội nhập quốc tế hiện nay. Với sự hợp tác mới hứa hẹn mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển bền vững, cũng như mở ra một nền tảng bền vững, vững chắc cho sự tăng trưởng cao và phát triển mạnh trong tương lai của VietCeramics.

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## TẦM NHÌN

Mục tiêu của chúng tôi là đưa Công ty tăng trưởng gấp đôi trong vòng 5 năm tới và là một trong những nhà bán lẻ hàng đầu các sản phẩm gạch nhập khẩu chất lượng cao tại thị trường Việt Nam.

## SỨ MỆNH

Nâng cao chất lượng cuộc sống, hoàn thiện không gian sống bằng những sản phẩm có thiết kế sáng tạo kết hợp cùng các giải pháp đột phá trong công nghệ, gắn liền với việc bảo vệ sức khỏe và phát triển bền vững.





### **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

- Triển khai kế hoạch mở rộng mạng lưới showroom, cửa hàng kinh doanh mới tại Thành phố Hà Nội và Đà Nẵng.
- Nghiên cứu mở rộng kinh doanh sang các mặt hàng mới, tăng chủng loại hàng đang kinh doanh, với mẫu mã đa dạng, đặc sắc, đáp ứng yêu cầu kể cả những khách hàng khó tính nhất.
- Triển khai việc chuẩn hoá các quy định quản trị nhằm củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh, đoàn kết.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp chuyên nghiệp, thân thiện, hướng đến khách hàng, vì khách hàng.
- Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và cổ đông của Công ty.

### **Mục tiêu môi trường và cộng đồng**

- Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận gắn liền với phát triển bền vững, bảo vệ môi trường. Chú trọng sử dụng, nhập khẩu những sản phẩm xanh, sạch, thân thiện với môi trường, đồng thời áp dụng các biện pháp sử dụng năng lượng có hiệu quả trong quá trình kinh doanh sản xuất, thực hiện tái chế, tái sử dụng những sản phẩm, vật dụng để giảm thiểu ô nhiễm môi trường.
- Chung tay góp sức xây dựng cộng đồng và xã hội thông qua việc tham gia, ủng hộ các chương trình, hoạt động nhân đạo được tổ chức tại đơn vị cơ sở và địa phương.

## NGÀNH NGHỀ - ĐỊA BÀN KINH DOANH

### Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)
- Quảng cáo
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu. Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, kiểm đếm, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa đường sắt
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương, đường sông, hồ, kênh, rạch
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

### Địa bàn kinh doanh

Hiện tại địa bàn kinh doanh chính của Công ty tập trung tại miền Bắc và miền Nam Việt Nam; dự kiến sẽ mở rộng ra khu vực miền Trung trong thời gian tới.





## ĐỐI TÁC – KHÁCH HÀNG THÂN THIẾT



Công ty Vietceramics luôn chú trọng xây dựng mối quan hệ đối tác phát triển lâu dài và bền vững với các nhà cung cấp chiến lược trong ngoài khu vực. Chúng tôi rất hân hạnh được hợp tác với những Công ty nổi tiếng như FIANDRE, Marazzi, Cotto... Mục tiêu mà Công ty hướng tới là cung cấp những sản phẩm có chất lượng cao và thiết kế sáng tạo, độc đáo đến khách hàng, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng kể cả những khách hàng khó tính



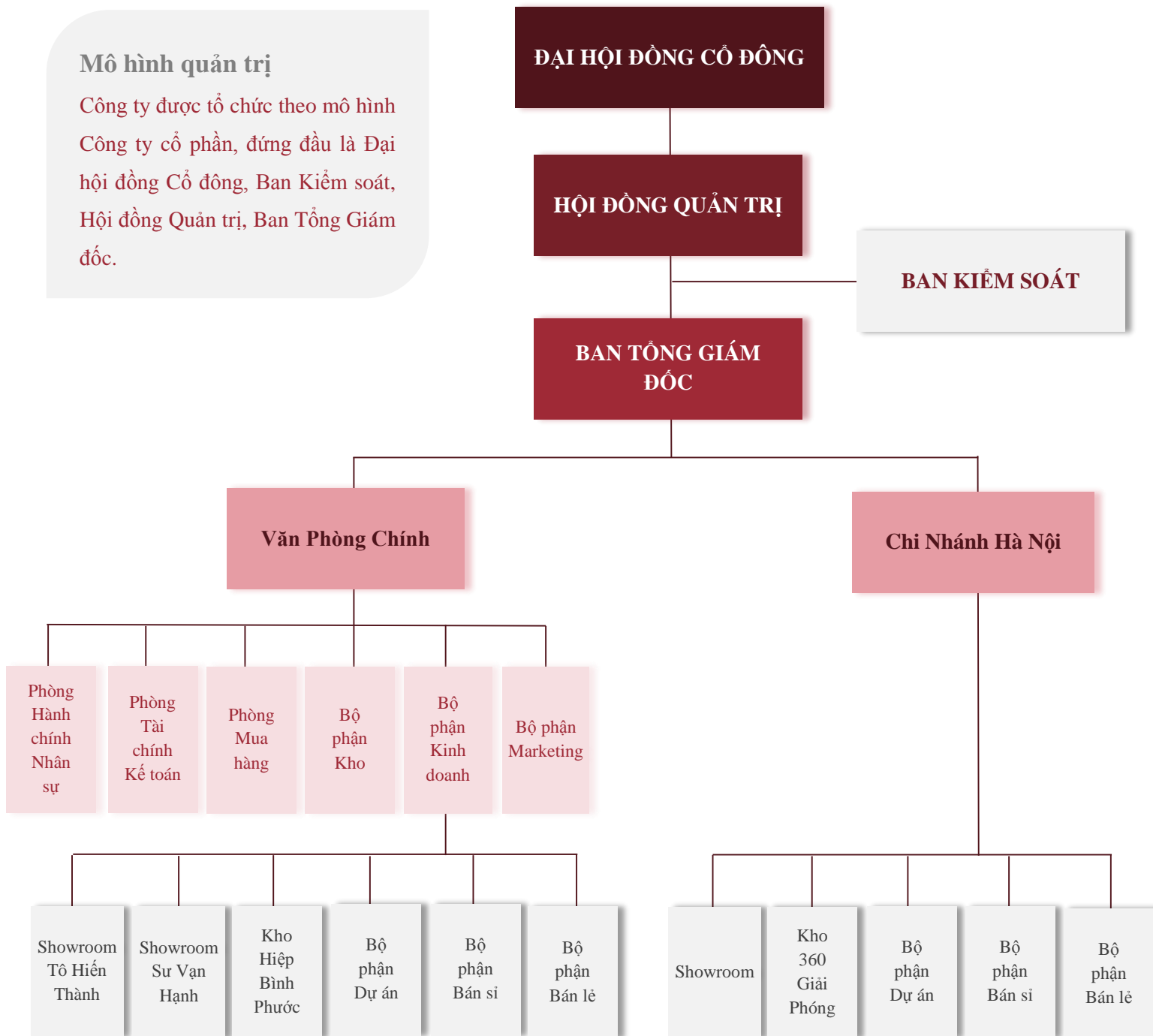
### Khách hàng thân thiết



## CƠ CẤU TỔ CHỨC

### Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.



### Công ty liên kết

Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE.

- Góp vốn đầu tư: 49%
- Địa chỉ: 15 DEFU AVENUE 1 SINGAPORE (539538)
- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư kinh doanh

### ***Rủi ro kinh tế***

Rủi ro về kinh tế được coi là một rủi ro cơ bản đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Năm 2012, tăng trưởng kinh tế gặp nhiều khó khăn do chính sách thắt chặt tiền tệ và kiểm chế lạm phát của Chính phủ. Tăng trưởng GDP không đạt được như kế hoạch ban đầu và kết thúc năm 2012 với con số 5.03%. Không những vậy, thị trường bất động sản có ảnh hưởng lớn đến thị trường vật liệu xây dựng. Trong năm qua, lĩnh vực bất động sản vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi càng làm cho khó khăn và rủi ro của những Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung ứng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất như Vietceramics tăng lên rõ rệt.

### ***Rủi ro tỷ giá***

Trong danh mục sản phẩm mà Công ty cung cấp, có nhiều danh mục sản phẩm được nhập khẩu từ nước ngoài, cũng như trong quá trình trao đổi, hợp tác với các đối tác nước ngoài, Công ty có sử dụng đồng ngoại tệ là công cụ giao dịch, điều này dẫn tới rủi ro về tỷ giá cho Công ty. Tuy trong năm 2012, tình hình biến động tỷ giá được đánh giá khá ổn định, không có nhiều biến động nhờ những chính sách can thiệp của chúng phủ nhưng trong tình hình kinh tế thế giới vẫn tiếp tục có nhiều diễn biến bất thường và bất ổn mới, rủi ro về tỷ giá vẫn có thể có những tác động xấu lên tình hình hoạt động chung của Công ty.

### ***Rủi ro khác***

Ngoài những rủi ro kể trên, còn có một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... Tuy ít có khả năng xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty. Công ty cũng đã tuân thủ và áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro cháy nổ.

### ***Rủi ro luật pháp***

Là một Công ty Cổ phần hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, Công ty Cổ phần Gốm sứ Việt chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định, Thông tư hướng dẫn... Do vậy, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp, kịp thời và đúng đắn sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do mới thành lập nên hiện nay Công ty đang triển khai hoàn tất Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị nội bộ, tạo hành lang pháp lý cơ bản trong hoạt động của Công ty.

### ***Rủi ro cạnh tranh***

Trên thị trường hiện nay có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán buôn, cung cấp các sản phẩm gạch, vật liệu xây dựng. Trang trí nội thất và các dịch vụ tư vấn liên quan. Giữa Vietceramics và các công ty không chỉ cạnh tranh về mẫu mã, chất lượng mà còn cạnh tranh về giá bán. Do mới thành lập và đi vào hoạt động chưa lâu, Công ty đang đứng trước thách thức lớn khi cạnh tranh với các Công ty nổi tiếng cùng ngành như Đồng Tâm, Gốm sứ Taicera, gốm Mỹ Xuân...



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

**12 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**13 Tổ chức và nhân sự**

**15 Tình hình tài chính**

**16 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**





*KẾT QUẢ CHÚNG TÔI ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2012*

**105** tỷ đồng

DOANH THU THUẦN

**4,8** tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

**71,4** tỷ đồng

VỐN CHỦ SỞ HỮU

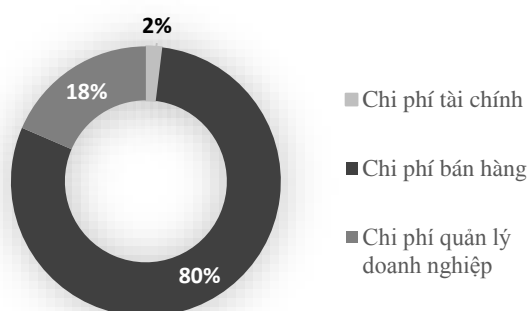
**99,8** tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2011	TH 2012	% tăng giảm	KH năm 2012	TH 2012 so với KH
Doanh thu thuần	Đồng	10.709.860	105.049.332.500	980766%	166.000.000.000	63,28%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	(1.027.671.065)	5.593.938.186	644%	11.500.000.000	48,64%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(1.027.671.065)	4.805.597.698	568%	8.600.000.000	55,88%
EPS	Đồng	-1.028	3.979	487%		
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-9596%	4,57%	100%	5,18%	88,30%

Trải qua năm 2012 với nhiều khó khăn, thách thức chung của nền kinh tế, Công ty Vietceramics tuy còn non trẻ, thương hiệu còn mới, chưa có nhiều danh tiếng trên thị trường nhưng đã đạt được những kết quả rất khả quan về hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu thuần và lợi nhuận đều có những bước nhảy vọt so với năm 2011. Doanh thu thuần đạt 105,05 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ 63,28% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 5,6 tỷ đồng và 4,8 tỷ đồng, tương đương 48,64% và 55,88% kế hoạch đặt ra. Nếu lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty năm 2011 còn ở mức âm thì kết thúc năm tài chính 2012 đã đạt kết quả đáng khích lệ khi có giá trị xấp xỉ 4.000 đồng, góp phần củng cố niềm tin của quý cổ đông vào Công ty cũng như thu hút thêm những nguồn đầu tư tiềm năng khác.



Giá vốn hàng bán trong năm của VCI ghi nhận 69,3 tỷ đồng, chiếm 66% doanh thu thuần của Công ty. Các loại chi phí tăng mạnh do Công ty đẩy mạnh đầu tư nhằm mở rộng thị trường và địa bàn phân phối. Tổng chi phí hoạt động năm 2012 của Công ty là 30,5 tỷ đồng. Trong đó, 80% tương đương 24,2 tỷ đồng đến từ chi phí bán hàng, 18% chi phí quản lý doanh nghiệp; còn lại 2%, 591,6 triệu đồng từ chi phí tài chính (hầu hết là chi phí lãi vay).

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban Tổng Giám đốc

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Đỗ Hồng Phúc	Tổng Giám đốc	39%
2	Phạm Cường Anh	Phó Tổng Giám đốc	-
3	Nguyễn Xuân Nhân	Kế Toán trưởng	-

(Tỷ lệ sở hữu cổ phần được tính tới ngày 31/12/2012)

### Tóm tắt lý lịch

**Đỗ Hồng Phúc**  
**Tổng Giám đốc**

Năm sinh : 1969  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Trình độ văn hóa: Đại học  
Trình độ chuyên môn: Kinh doanh

**Phạm Cường Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh: 1979  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Trình độ văn hóa: Thạc sĩ

**Nguyễn Xuân Nhân**  
**Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 11/11/1965  
Quốc tịch: Việt Nam  
Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh  
Trình độ văn hóa: Đại học Tài chính Kế toán – TP HCM



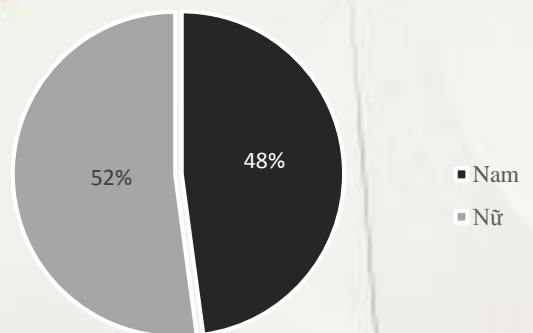
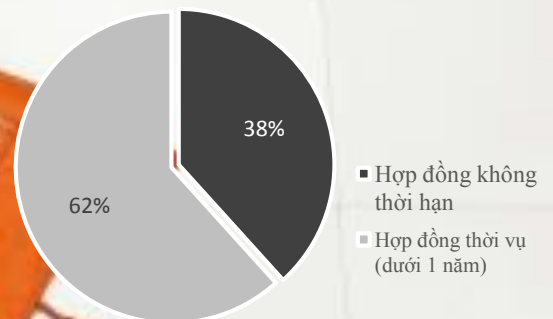
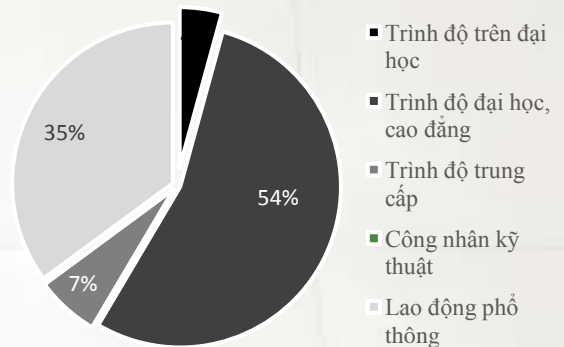
## Thống kê nhân sự

Nguồn nhân sự chính là sức mạnh quý giá của mỗi Công ty. Hiểu được điều đó, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Gốm sứ Việt luôn chủ động và linh động trong chính sách nhân sự. Chú trọng, ưu tiên tuyển dụng những ứng viên có kiến thức, tay nghề cao, đạo đức phẩm chất tốt cũng như thường xuyên bồi dưỡng lực lượng cán bộ công nhân viên của Công ty.

Hiện tại, hơn một nửa cán bộ công nhân viên của Công ty có trình độ đại học, cao đẳng. 7% số cán bộ có trình độ trung học, 4% có trình độ cao học. Có thể nói, nguồn nhân lực có chất lượng cao chính là yếu tố nội lực có thể giúp Công ty tiến xa và gặt hái thêm nhiều thành công mới trong tương lai.

Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) chiếm tỷ trọng 62% trong cơ cấu lao động của Công ty, 38% còn lại là hợp đồng không thời hạn. Công ty Cổ phần Gốm sứ Việt hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ. Mặt khác, trong giai đoạn nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, biến động, việc sử dụng nhiều nhân lực ngắn hạn được cho là hợp lý, không những giúp phát triển nhanh hệ thống mạng lưới phân phối, bán hàng, còn giúp tiết kiệm chi phí quản lý cho Công ty.

Thu nhập bình quân của nhân viên Công ty năm 2012 đạt 8.838.027 VND, tăng 17,56% so với mức 7.518.106 VND năm 2011. Đây có thể nói là một nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc san sẻ, hỗ trợ về đời sống, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác. Bên cạnh mức lương cơ bản, Ban Tổng Giám đốc còn xây dựng một chế độ lương, thù lao hợp lý dựa trên đánh giá năng lực, kết quả lao động của cán bộ công nhân viên.



Các thống kê về lao động được tính đến ngày 31/12/2012



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Đồng	9.285.602.794	99.803.749.050	975%
Doanh thu thuần	Đồng	10.709.860	105.049.332.500	980765%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	(1.027.761.220)	5.514.078.313	637%
Lợi nhuận khác	Đồng	90.155	79.859.873	88481%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	(1.027.671.065)	5.593.938.186	644%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	(1.027.671.065)	4.805.597.698	568%

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
Hệ số thanh toán tức thời	Lần	0,55	0,73
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	15,33	3,08
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	15,33	1,35
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	3%	14%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	3%	36%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	0,00	12,09
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,00	2,80
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,00	1,93
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	0,00	1,05
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-9596%	5%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-11%	7%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-11%	5%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-9596%	5,2%

## THỐNG KÊ CỔ ĐÔNG

### Cổ phần

- Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành: 2.425.060 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

### Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 06/2012-NQ ngày 08 tháng 09 năm 2012 của Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt, Công ty đã phát hành riêng lẻ thêm 1.425.060 cổ phần phổ thông trị giá 14.250.600.000 VNĐ cho hai nhà đầu tư:

- Ông Đỗ Hồng Phúc đăng ký mua 236.780 cổ phần phổ thông trị giá 2.367.800.000 VNĐ
- Công ty HAFARY VIETNAM PTE. LTD đăng ký mua 1.188.280 cổ phần phổ thông có giá trị 11.882.800.000 VNĐ

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty hiện không sở hữu cổ phiếu quỹ và không có giao dịch trong năm



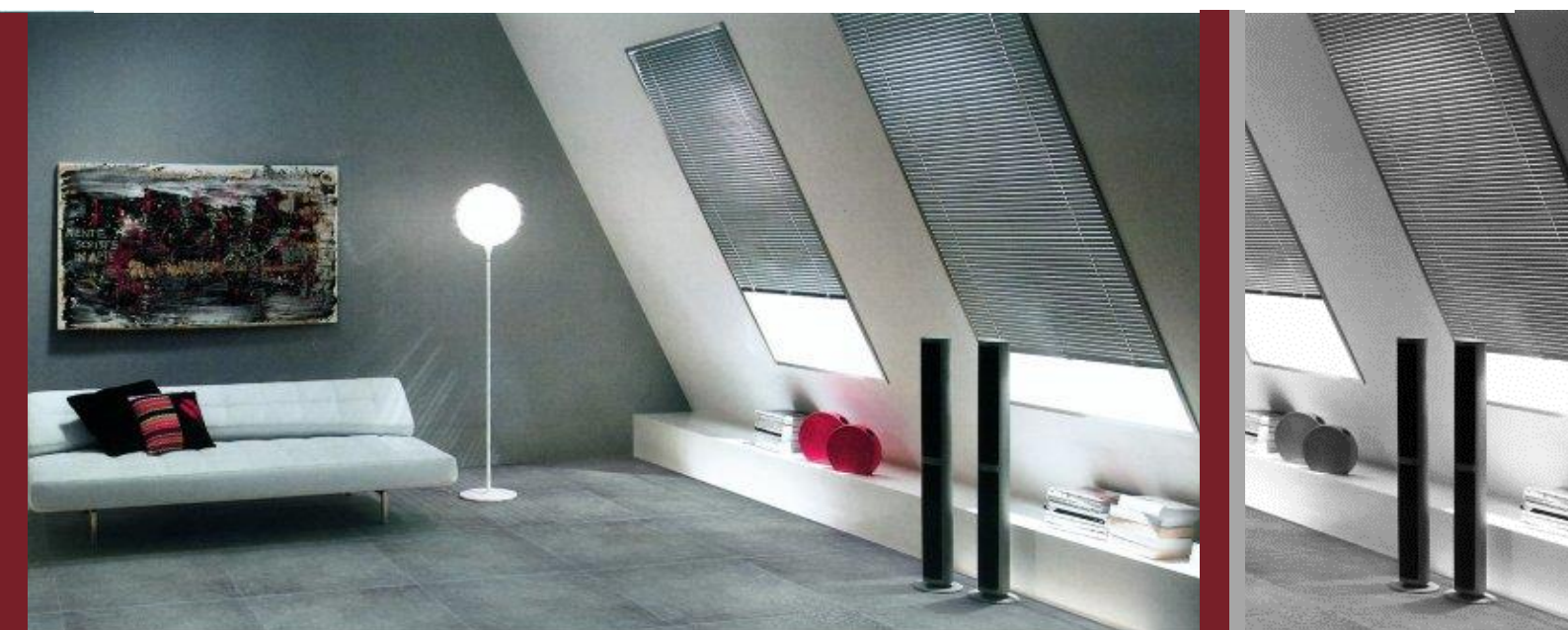
## Cơ cấu cổ đông

(Thống kê cổ đông được tính đến ngày 31/12/2012)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>				
	Cổ đông cá nhân	108	1.236.780	12.367.800.000	51,00%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>				
	Cổ đông tổ chức	1	1.188.280	11.882.800.000	49,00%
3	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	0	0	0	0%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>109</b>	<b>2.425.060</b>	<b>24.250.600.000</b>	<b>100%</b>

## Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I- Cổ đông lớn</b>					
1	Đỗ Hồng Phúc	362B/5 Bình Triệu, HB Chánh, Thủ Đức. HCM	936.780	9.367.800.000	38,3%
2	HAFARY VIETNAM PTE. LTD	No. 15 Defu Avenue 1 Singapore 539538	1.188.280	11.882.800.000	49,00%
3	Đỗ Hạnh Minh Châu	N41 Hùng Vương, Khu Xuân Bình, L.Khánh, ĐN	150.000	1.500.000.000	6,19%
4	Đỗ Duy Huỳnh	362B/5 Bình Triệu, HB Chánh, Thủ Đức. HCM	140.150	1.401.500.000	5,78%
<b>II- Cổ đông nhỏ</b>				98.500.000	0,41%
<b>Tổng cộng</b>				<b>24.250.600.000</b>	<b>100%</b>



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**19 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**20 Tình hình tài chính**

**21 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý**

**22 Kế hoạch phát triển**





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	2011	2012
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.709.860	105.049.332.500
Giá vốn hàng bán	7.910.442	69.264.098.062
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.799.418</b>	<b>35.785.234.438</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	2.867.283	191.433.623
Chi phí tài chính	-	591.609.844
Trong đó: Chi phí lãi vay	-	590.752.853
Chi phí bán hàng	902.981.429	24.231.460.945
Chi phí quản lý doanh nghiệp	130.446.492	5.639.518.959
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.027.761.220)</b>	<b>5.514.078.313</b>
Lợi nhuận khác	90.155	79.859.873
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(1.027.671.065)</b>	<b>5.593.938.186</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(1.027.671.065)</b>	<b>4.805.597.698</b>

Đvt: đồng

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2012 tiếp tục chịu nhiều hậu quả tác động từ khủng hoảng kinh tế những năm trước. Tốc độ tăng trưởng GDP vẫn giậm chân ở mức thấp, đặc biệt là khó khăn về nguồn vốn vay do chính sách thắt chặt tiền tệ của chính phủ đặt nhiều doanh nghiệp đứng trước những thử thách, khó khăn vô cùng lớn. Đáng nói hơn, tình hình lĩnh vực bất động sản tại Việt Nam gần như ở trong tình trạng đóng băng trong những năm gần đây lại càng là một rào cản lớn, tác động trực tiếp lên với Công ty ngay từ những bước đầu đi vào hoạt động. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ, đồng hành từ Hội đồng Quản trị cũng như sự nỗ lực, cố gắng, đồng tâm của tập thể cán bộ nhân viên Gốm sứ Việt, kết quả kinh doanh mà Công ty đạt được rất đáng tự hào và trân trọng.

Doanh thu thuần năm 2012 đạt 105,05 tỷ đồng, tương đương 63,28% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 5,60 tỷ đồng và 4,81 tỷ đồng, so

sánh với kế hoạch năm 2012 đạt 48,64% và 55,88%. Tuy đây chưa phải là kết quả cao nhất nhưng đối với một Công ty trong những năm đầu đi vào hoạt động, Ban Tổng Giám đốc vẫn nhận xét đây là một kết quả đáng khích lệ, tạo tiền đề để Công ty tiếp tục nỗ lực cố gắng và đạt thêm nhiều kết quả vang dội hơn trong tương lai.



**Tình hình tài sản**

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	% tăng trưởng	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	Đồng	4.801.417.271	87.655.933.382	1.725,63%	87,83%
Tài sản dài hạn	Đồng	4.484.185.523	12.147.815.668	170,90%	12,17%
Tổng tài sản	Đồng	9.285.602.794	99.803.749.050	974,82%	100%

Tổng tài sản năm 2012 của Công ty đạt giá trị 99.804 triệu đồng so với 9,286 triệu đồng trong năm đầu tiên đi vào hoạt động. Trong đó tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng khá lớn là 87,83%, tài sản dài hạn chiếm 12,17% tổng tài sản tương đương 12.148 triệu đồng. Tỷ trọng tài sản cố định thấp được giải thích là do Công ty vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, trong những năm tài chính tiếp theo, khi cơ sở hạ tầng được hoàn thiện, dự đoán mức tỷ trọng của loại tài sản này sẽ ở mức hợp lý. Do mới đi vào hoạt động vào cuối năm 2011 nên năm tài chính 2012 là năm đầu tiên Công ty ghi nhận giá trị hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho được ghi nhận tại thời điểm 31/12/2012 của Công ty là 49,4 tỷ đồng; đồng thời, Công ty cũng đã trích lập 639,5 triệu đồng dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Tình hình nợ**

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	% tăng trưởng
Nợ ngắn hạn	Đồng	313.273.859	28.446.273.117	8.980,32%

Công ty tính đến nay chưa ghi nhận các khoản nợ dài hạn do chưa có nhu cầu về đầu tư dài hạn như mua bất động sản hay phương tiện vận tải. Tổng nợ năm 2012 của Công ty có giá trị 28,45 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2011. Với tình hình nợ hiện tại của Công ty, do những khoản nợ ngắn hạn có thể dễ dàng thanh khoản, Công ty sẽ không quá phụ thuộc vào đòn bẩy tài chính, đồng thời giảm thiểu tối đa rủi ro từ chênh lệch lãi suất cung như rủi ro lãi suất mang lại.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

### Về cơ cấu tổ chức

Trong năm 2012, Công ty đã thông qua và bổ nhiệm các vị trí chủ chốt trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát bằng một số thành viên người Singapore từ phía đối tác đầu tư chiến lược HAFARY VIETNAM PTE. LTD. Mục tiêu của việc bổ nhiệm từ phía đối tác đầu tư chiến lược là nhằm thắt chặt thêm sự hợp tác, tiến hành minh bạch hóa cũng như chuyên nghiệp hóa hoạt động quản trị Công ty, tạo tiền đề để Công ty phát triển không chỉ ở thị trường Việt Nam mà còn vươn ra khu vực, thế giới trong tương lai.

### Về chính sách nhân sự

Do mới đi vào hoạt động nên Ban Lãnh đạo Công ty đặc biệt chú ý đến chính sách tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân sự - được coi là sức mạnh nội tại của Công ty. Ngoài việc ưu tiên tuyển dụng những ứng viên có trình độ chuyên môn tốt, các ứng viên năng động, sáng tạo và có đức tính tốt cũng được Công ty đánh giá cao. Nguồn nhân lực trẻ, năng động, có nhiệt huyết sẽ đóng vai trò chủ chốt trong xây dựng, phát triển Công ty vững mạnh ngay từ những ngày đầu hoạt động. Ban lãnh đạo luôn quan tâm, chú ý đến đời sống vật chất, tinh thần của mọi nhân viên trong Công ty. Ngoài việc thiết lập một chế độ lương thưởng phù hợp, đúng người đúng việc, Công ty còn tổ chức các chương trình hoạt động ngoại khóa, từ thiện nhằm giúp cán bộ nhân viên giải tỏa những căng thẳng mệt mỏi, thắt chặt tinh đoàn kết nội bộ và làm phong phú thêm đời sống tinh thần.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục, tập trung phát triển, đẩy mạnh hệ thống bán lẻ tại các thành phố lớn là Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và hệ thống đại lý tại Cần Thơ và các tỉnh miền Trung.
- Đẩy mạnh, thắt chặt và xúc tiến mối quan hệ đối tác với các nhà cung cấp, tìm thêm nguồn hàng mới cói chất lượng cao, giá cả hợp lý phục vụ cho các dự án của Công ty, cung cấp cho khách hàng bán buôn và bán lẻ.
- Duy trì ổn định, củng cố và nâng cao chất lượng công tác hậu mãi khách hàng.
- Tăng cường tham gia và tổ chức các buổi hội thảo, diễn đàn, sự kiện nhằm quảng bá thương hiệu và sản phẩm của Công ty
- Xúc tiến tiếp xúc với các kiến trúc sư, hội kiến trúc để mở rộng mối quan hệ kinh doanh, tìm kiếm thêm nguồn khách hàng tiềm năng, quảng bá thương hiệu và sản phẩm của Công ty thêm rộng rãi.

### Đầu tư cơ sở hạ tầng

- Xúc tiến mở thêm các showroom tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP Hồ Chí Minh.
- Cải thiện phương tiện luân chuyển, vận chuyển hàng hóa, giúp công tác phân phối đạt chất lượng cao





## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**24 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty**

**25 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

**26 Kế hoạch – Định hướng**



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	% tăng trưởng
1	Tổng tài sản	Đồng	9.285.602.794	99.803.749.050	974,82%
2	Tổng nợ	Đồng	313.273.859	28.446.273.117	8.980,32%
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	8.972.328.935	71.357.475.933	695,3%
4	Doanh thu thuần	Đồng	10.709.860	105.049.332.500	980.766%

Trong năm 2012, Hội đồng Quản trị luôn đồng hành sát cánh với Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành cũng như cũng tiến hành giám sát chặt chẽ mọi mặt hoạt động của Công ty. Kết thúc năm 2012, tổng tài sản đạt giá trị 99,803 tỷ đồng trong đó tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 87,83%. Tổng nợ của Công ty là 28,446 tỷ đồng, 100% là nợ ngắn hạn. Tình hình vốn chủ sở hữu trong năm qua tăng 695,3%, đạt giá trị 71,36 tỷ đồng so với mức 8,97 tỷ đồng trong năm đầu thành lập. Nguyên nhân là do trong năm Công ty đã tiến hành phát hành riêng lẻ thêm 1.425.060 cổ phần phổ thông tương đương 14,25 tỷ đồng, tăng giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu lên 24,25 tỷ đồng. Thặng dư vốn cổ phần trong năm là 43,33 tỷ đồng. Công ty đạt 105,05 tỷ đồng doanh thu thuần năm 2012, kết quả được cho là đáng tự hào đối với một Công ty non trẻ như Gốm sứ Việt.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012 đã đạt được nhiều thành tích và tiến bộ đáng kể. Tình hình tài chính, thanh khoản ổn định, hợp lý; tình hình xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng mạng lưới kinh doanh vẫn đang được Ban Tổng Giám đốc tiến hành một cách hiệu quả và cẩn trọng.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2012 còn tồn tại nhiều rủi ro, khó khăn cùng với việc Công ty mới ra đời năm 2011 đã đặt lên vai Ban Tổng Giám đốc những nhiệm vụ, thách thức lớn. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị luôn đồng hành sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc, tiến hành tham mưu, chỉ đạo, từ đó Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt các công tác và nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp định kỳ, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo chi tiết, đầy đủ và chính xác tình hình hoạt động của Công ty cũng như từng đơn vị đồng thời đưa ra những nhận định, kế hoạch tiếp theo phù hợp với tình hình kinh tế và giúp Công ty đạt được những lợi ích cao nhất.

## KẾ HOẠCH – ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dự đoán tình hình kinh tế nói chung và tình hình ngành xây dựng nói riêng chưa thể có chuyển biến tích cực trong ít nhất 2 năm tới, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh và chuẩn bị cho các mục tiêu dài hạn của Công ty, HĐQT định hướng thực hiện như sau:

### Về công tác kinh doanh

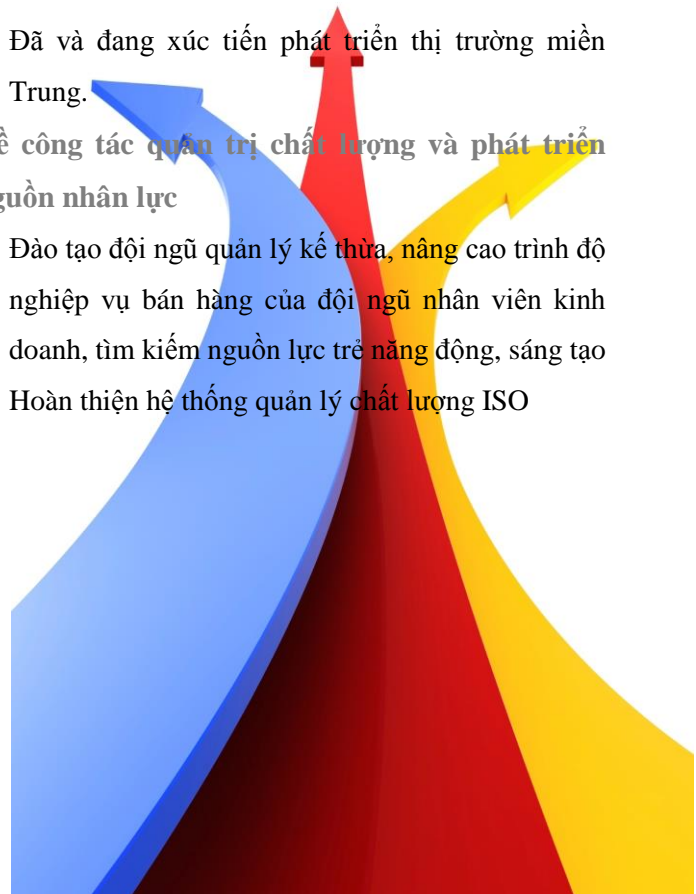
- Chuẩn bị các phương án kinh doanh linh hoạt, chủ động nhằm ứng phó kịp thời với các diễn biến của thị trường.
- Phát triển đa dạng sản phẩm và tìm kiếm sự khác biệt nhằm đảm bảo thương hiệu.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí, theo dõi công nợ, tồn kho, theo dõi những biến động về giá, tính toán nhu cầu và lựa chọn sản phẩm tốt, tiềm năng nhất.
- Phát triển mạnh mẽ hệ thống bán lẻ tận người tiêu dùng nhằm giới thiệu sản phẩm sâu rộng ra công chúng. Chào mẫu và bán sản phẩm gạch và thiết bị vệ sinh đến tận tay người tiêu dùng qua kênh bán hàng trực tiếp (direct sales) tại Hà Nội và Tp. HCM
- Đa dạng hóa mẫu mã hàng kinh doanh: tăng chủng loại vòi từ nhà sản xuất Grohe (Đức), kinh doanh thử nghiệm đá tự nhiên, gạch Tây Ban Nha, Ý, đá nhân tạo
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đại lý tại Đà Nẵng và Cần Thơ.
- Phát triển thương hiệu qua việc tham gia các hội chợ Vietbuild, Vietart... và các hoạt động tiếp thị sáng tạo, đa dạng.
- Liên kết với Hội Kiến trúc sư Tp. HCM, Hà Nội, tham gia nhiều hơn các chương trình của hội, nhằm giới thiệu, quảng bá ưu điểm sản phẩm của Công ty đến các Kiến trúc sư.

### Về công tác đầu tư

- Đầu tư cải tạo Showroom 207 Tô Hiến Thành, phường 13, quận 10, và Showroom 768 Sư Vạn Hạnh (nổi dài), phường 12, quận 10, Tp HCM để thu hút thêm khách hàng, gia tăng doanh số bán lẻ.
- Mở rộng hệ thống bán lẻ tại Hà Nội. Hiện nay Công ty đã thuê thêm mặt bằng tại 3 căn nhà (101-102-103 Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy, Hà Nội) để làm showroom và đang tiến hành sửa chữa, dự kiến đưa vào hoạt động giữa tháng tháng 5.2013.
- Đẩy nhanh tiến độ mở rộng thêm 1 showroom miền Bắc và 1 showroom miền Nam.
- Đã và đang xúc tiến phát triển thị trường miền Trung.

### Về công tác quản trị chất lượng và phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo đội ngũ quản lý kế thừa, nâng cao trình độ nghiệp vụ bán hàng của đội ngũ nhân viên kinh doanh, tìm kiếm nguồn lực trẻ năng động, sáng tạo
- Hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng ISO





# QUẢN TRỊ CÔNG TY

**28 Hội đồng Quản trị**

**29 Ban Kiểm soát**

**30 Thay đổi nhân sự HĐQT, BKS trong năm**

**30 Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn**



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Đại diện vốn
1	Đỗ Hồng Phúc	Chủ tịch	38,3%	
2	Low Kok Ann	Phó Chủ tịch	-	
3	Đỗ Hạnh Minh Châu	Thành viên	6%	
4	Đỗ Duy Huỳnh	Thành viên	6%	
5	Low See Ching	Thành viên	-	49% (HAFARY VIETNAM PTE.LTD)
6	Tay Eng Kiat Jackson	Thành viên	-	

*(Tỷ lệ sở hữu cổ phần được tính đến ngày 31/12/2012)*

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị Hiện tại Công ty chưa thành lập các tiểu ban

### Hoạt động trong năm 2012 của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2012, tuân thủ đúng theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt, Hội đồng Quản trị đã họp 4 lần với tỉ lệ có mặt của các thành viên Hội đồng Quản trị là 100%.

- Lần 1: Họp tổng kết hoạt động năm 2011 đồng thời đề ra kế hoạch, phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2012.
- Lần 2: Tổng kết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012.
- Lần 3: Họp chuẩn bị cho Đại hội cổ đông bất thường ngày 08 tháng 09 năm 2012 về vấn đề phát hành cổ phần riêng lẻ và bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Lần 4: Họp tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 và xác định kế hoạch, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013.

Các vấn đề liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi thông qua.



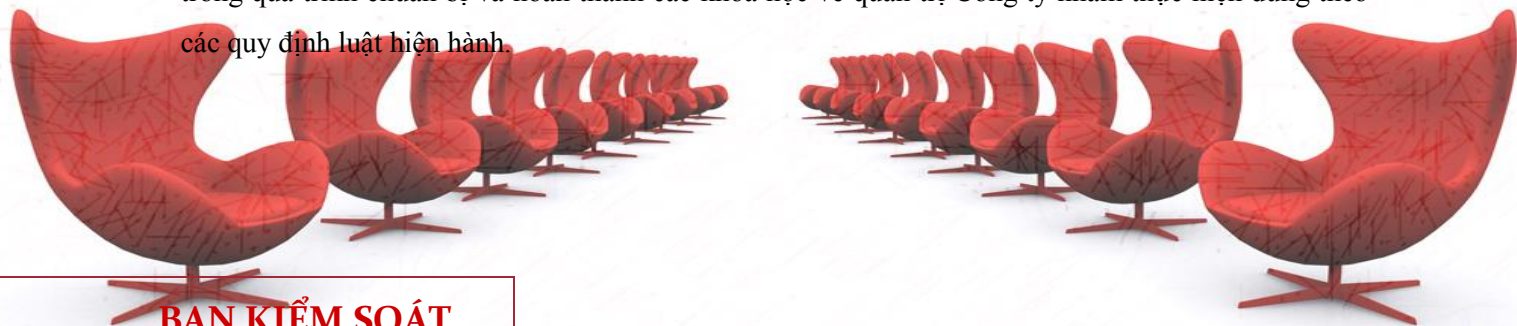
Với sự bổ nhiệm mới Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cùng một số thành viên trong năm, Hội đồng Quản trị tập trung tổ chức tham mưu, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty có những định hướng, bước đi hợp lý nhằm giúp Công ty vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế, phát huy hết khả năng và giá trị nội tại của mình, nhằm thực hiện các kế hoạch hoạt động kinh doanh đã đề ra.

## Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Ngoại trừ ông Đỗ Hồng Phúc, tất cả các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành

## Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Do mới thành lập và đi vào hoạt động cuối năm 2011, hiện tại các thành viên Hội đồng Quản trị đang trong quá trình chuẩn bị và hoàn thành các khóa học về quản trị Công ty nhằm thực hiện đúng theo các quy định luật hiện hành.



### BAN KIỂM SOÁT

#### Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Wu Pei Cong	Trưởng Ban	-
2	Mai Thị Xuân Vương	Thành viên	-
3	Mai Quốc Khoa	Thành viên	-

*(Tỷ lệ sở hữu cổ phần được tính đến ngày 31/12/2012)*

#### Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm tài chính 2012, tuy có sự thay đổi về nhân sự Ban Kiểm soát, tuy nhiên các thành viên đã thực hiện tốt việc chuyển giao công việc, thực hiện đúng, cẩn trọng và đầy đủ nhiệm vụ kiểm soát theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác trong Công ty.
- Tổ chức giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ Công ty.
- Tiến hành kiểm tra kết quả kinh doanh và báo

cáo tài chính năm 2012 một cách cẩn trọng, kỹ lưỡng.

- Thực hiện một số công việc khác theo quyết định của Đại hội cổ đông, quy định của Điều lệ và pháp luật.

Ban kiểm soát đã tiến hành họp 3 lần trong năm 2012 với nội dung họp cụ thể như sau

- Lần 1: nhận xét tình hình năm 2011 và lên kế hoạch giám sát, kiểm soát Công ty năm 2012
- Lần 2: họp soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2012
- Lần 3: họp soát xét báo cáo tài chính cả năm 2012

## THAY ĐỔI NHÂN SỰ HĐQT, BKS TRONG NĂM

STT	Họ Tên	Chức vụ cũ	Chức vụ mới	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
<b>I Hội đồng quản trị</b>				
1	LOW KOK ANN	-	Phó Chủ tịch	9/8/2012
2	LOW SEE CHING	-	Thành Viên	9/8/2012
3	TAY ENG KIAT JACKSON	-	Thành Viên	9/8/2012
<b>II Ban Kiểm Soát</b>				
1	Phạm Cường Anh	Trưởng BKS	-	9/8/2012
2	Dư Ngọc Mộng Linh	Phó BKS	-	9/8/2012
3	Ôn Vĩnh Hòa	Thành Viên	-	9/8/2012
4	Wu Pei Cong	-	Trưởng BKS	9/8/2012
5	Mai Thị Xuân Vương	Chưa có	Thành Viên	9/8/2012
6	Mai Quốc Khoa	Chưa có	Thành Viên	9/8/2012

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/ CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Chức vụ/ Quan hệ	Cổ phần trước khi giao dịch		Cổ phần sau khi giao dịch		Loại giao dịch
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Đỗ Hồng Phúc	Chủ tịch HĐQT	700.000	70%	936.780	38,30%	Mua
2	HAFARY VIETNAM PTE. LTD	Cổ đông lớn	0	0%	1,188,280	49%	Mua

### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Do mới thành lập và đi vào hoạt động chưa lâu, hiện tại Công ty đang trong quá trình xây dựng Quy chế Quản trị nội bộ Công ty đúng theo tinh thần của Thông tư 121/2012/TT-BTC.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

32 Ý kiến kiểm toán

34 Báo cáo tài chính kiểm toán





Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ  
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027  
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 13.324/BCKT-2012

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 23 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TANG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**DIỆC LỆ BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV

Công ty Kiểm toán DTL là thành viên của Hệ thống RSM. Mỗi thành viên của Hệ thống RSM là một công ty tư vấn và kiểm toán độc lập tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Hệ thống RSM không phải là một pháp nhân riêng rẽ ở bất kỳ quốc gia nào.

3



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>87.655.933.382</b>	<b>4.801.417.271</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>20.749.579.221</b>	<b>173.658.520</b>
1. Tiền	111		4.249.579.221	173.658.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.500.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>13.370.759.356</b>	<b>4.004.716.533</b>
1. Phải thu khách hàng	131		12.642.925.458	-
2. Trả trước cho người bán	132		727.833.898	3.984.665.033
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	20.051.500
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>49.388.773.911</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		50.028.192.243	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(639.418.332)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.146.820.894</b>	<b>623.042.218</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	682.477.711	264.871.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.706.571.735	328.590.818
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	757.771.448	29.580.000

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>12.147.815.668</b>	<b>4.484.185.523</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.956.615.433</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		5.956.615.433	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.260.208.222</b>	<b>3.234.145.523</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	1.260.208.222	1.197.297.160
+ Nguyên giá	222	5.6	1.839.690.518	1.197.297.160
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223	5.6	(579.482.296)	-
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		13.405.035	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.405.035)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.036.848.363
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.930.992.013</b>	<b>1.250.040.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.876.686.087	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8	333.857.926	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.8	2.720.448.000	1.250.040.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>99.803.749.050</b>	<b>9.285.602.794</b>



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.446.273.117</b>	<b>313.273.859</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.446.273.117</b>	<b>313.273.859</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.9	17.118.136.939	220.566.500
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	1.028.529.220	-
5. Phải trả người lao động	315	5.11	2.160.000.000	-
6. Chi phí phải trả	316	5.12	2.174.200.826	92.707.359
7. Phải trả nội bộ	317	5.13	5.956.615.433	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		8.790.699	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71.357.475.933</b>	<b>8.972.328.935</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.14	<b>71.357.475.933</b>	<b>8.972.328.935</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.250.600.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.328.949.300	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.777.926.633	(1.027.671.065)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>99.803.749.050</b>	<b>9.285.602.794</b>



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Bảng cân đối kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		100,19	100,40
6. Dự toàn chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN XUÂN NHÂN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HỒNG PHÚC

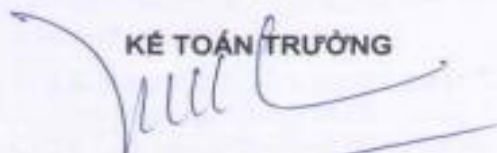


## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	106.342.334.145	10.709.860
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	1.293.001.645	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		105.049.332.500	10.709.860
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	69.264.098.062	7.910.442
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.785.234.438	2.799.418
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	191.433.623	2.867.283
7. Chi phí tài chính	22	6.4	591.609.844	-
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		590.752.853	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	24.231.460.945	902.981.429
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	5.639.518.959	130.446.492
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.514.078.313	(1.027.761.220)
11. Thu nhập khác	31		181.081.876	90.155
12. Chi phí khác	32		101.222.003	-
13. Lợi nhuận khác	40		79.859.873	90.155
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.593.938.186	(1.027.671.065)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.122.198.414	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(333.857.926)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.805.597.698	(1.027.671.065)
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.14.4	3.979	(1.028)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
  
NGUYỄN XUÂN NHÂN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
QUỐC TẾ GỐM SỨ  
VIỆT  
  
ĐỖ HỒNG PHÚC

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.593.938.186	(1.027.671.065)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		594.528.743	-
Các khoản dự phòng	03		639.418.332	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(10.153.226)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(181.280.397)	(2.867.283)
Chi phí lãi vay	06		590.752.853	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<u>7.227.204.491</u>	<u>(1.030.538.348)</u>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.805.399.740)	(4.362.887.351)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50.028.192.243)	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		23.230.518.632	313.273.859
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.294.292.398)	(264.871.400)
Tiền lãi vay đã trả	13		(590.752.853)	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(199.960.355)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(2.222.954.574)	(1.250.040.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<u>(36.683.829.040)</u>	<u>(6.595.063.240)</u>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn kt	21		(512.079.123)	(3.234.145.523)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.079.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		181.280.397	2.867.283
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<u>(319.719.181)</u>	<u>(3.231.278.240)</u>





## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp)

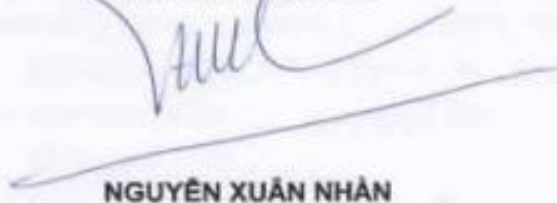
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		57.579.549.300	10.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>57.579.549.300</b>	<b>10.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>20.576.001.079</b>	<b>173.658.520</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>173.658.520</b>	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(80.378)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>20.749.579.221</b>	<b>173.658.520</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN XUÂN NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HỒNG PHÚC



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
QUỐC TẾ GỐM SỨ  
VIỆT  
TP. HỒ CHÍ MINH

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Gốm sứ Việt (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0311028311 ngày 30 tháng 07 năm 2011 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 742/5 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000.000.000 đồng.

Đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm: chi nhánh Hà Nội.

##### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

##### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình;
- Quảng cáo;
- Hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động hỗ trợ vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa trên biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán lẻ vải len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.

#### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

##### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31/12/2011

##### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

#### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

##### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

##### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản kỳ gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

##### 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoãn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm
+ Tài sản cố định vô hình	03 năm

#### 4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### 4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Dựa trên nghị quyết đại hội cổ đông.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

#### 4.9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Năm 2012 Công ty được giảm 30% cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo thông tư 140/2012/TT-BTC ban hành ngày 21 tháng 08 năm 2012.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.10. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, kỹ quỹ, kỹ cược ngắn hạn và dài hạn.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	389.250.074	1.118.956
Tiền gửi ngân hàng	3.860.329.147	172.539.564
Các khoản tương đương tiền	16.500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.749.579.221</b>	<b>173.658.520</b>



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	12.642.925.458	-
Trả trước cho người bán	727.833.898	3.984.665.033
Các khoản phải thu khác	-	20.051.500
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>13.370.759.356</b>	<b>4.004.716.533</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>13.370.759.356</b>	<b>4.004.716.533</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải thu các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Gốm sứ Việt – Xem thêm mục 7	-	3.198.172.638
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.198.172.638</b>

#### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	667.205.380	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	201.236.687	-
Hàng hóa	49.159.750.176	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>50.028.192.243</b>	<b>-</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(639.418.332)	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>49.388.773.911</b>	<b>-</b>

#### 5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	25.090.040	264.871.400
Chi phí chờ kết chuyển	657.387.671	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>682.477.711</b>	<b>264.871.400</b>

#### 5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	90.956.000	29.580.000
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	666.815.448	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>757.771.448</b>	<b>29.580.000</b>



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	-	476.273.636	721.023.524	1.197.297.160
Mua trong năm	291.046.287	268.175.528	95.892.500	655.114.315
Thanh lý, nhượng bán	(12.720.957)	-	-	(12.720.957)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>278.325.330</u>	<u>744.449.164</u>	<u>816.916.024</u>	<u>1.839.690.518</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	104.527.725	222.936.406	253.659.577	581.123.708
Thanh lý, nhượng bán	(1.641.412)	-	-	(1.641.412)
<b>Số dư cuối năm</b>	<u>102.886.313</u>	<u>222.936.406</u>	<u>253.659.577</u>	<u>579.482.296</u>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	-	476.273.636	721.023.524	1.197.297.160
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<u>175.439.017</u>	<u>521.512.758</u>	<u>563.256.447</u>	<u>1.260.208.222</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 39.795.779 đồng

#### 5.7. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa và thiết kế showroom Tô Hiến Thành.

#### 5.8. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược thuê văn phòng và showroom.

#### 5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	17.118.136.939	220.566.500
<b>Tổng cộng</b>	<u>17.118.136.939</u>	<u>220.566.500</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, phải trả các bên liên quan được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH Gốm sứ Việt – Xem thêm mục 7	16.691.703.491	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>16.691.703.491</u>	<u>-</u>

#### 5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	922.238.059	-
Thuế thu nhập cá nhân	106.291.161	-
<b>Tổng cộng</b>	<u>1.028.529.220</u>	<u>-</u>

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 5.11. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 năm 2012 còn phải trả.

#### 5.12. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước hoa hồng	919.995.667	-
Trích trước chi phí vận chuyển	637.405.244	-
Trích trước chi phí gia công	188.818.321	-
Trích trước chi phí điện, nước	27.565.696	12.893.138
Trích trước chi phí khác	400.415.898	79.814.221
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.174.200.826</b>	<b>92.707.359</b>

#### 5.13. Phải trả nội bộ

Là khoản phải trả tiền mua hàng.

#### 5.14. Vốn chủ sở hữu

##### 5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Lợi nhuận năm trước	-	-	(1.027.671.065)	(1.027.671.065)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.027.671.065)</b>	<b>8.972.328.935</b>
Tăng vốn năm nay	14.250.600.000	43.328.949.300	-	57.579.549.300
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.805.597.698	4.805.597.698
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>24.250.600.000</b>	<b>43.328.949.300</b>	<b>3.777.926.633</b>	<b>71.357.475.933</b>

##### 5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các cá nhân	12.367.800.000	10.000.000.000
Vốn góp của Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE	11.882.800.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.250.600.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

##### 5.14.3. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	2.459.000	1.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	2.425.060	1.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	2.425.060	1.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 5.14.4. Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi/lỗ sau thuế của Công ty	4.805.597.698	(1.027.671.065)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.207.855	1.000.000
<b>Lãi/lỗ cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>3.979</b>	<b>(1.028)</b>

#### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

##### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	106.342.334.145	10.709.860
Giảm giá hàng bán	(2.131.200)	-
Hàng bán bị trả lại	(1.290.870.445)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>105.049.332.500</b>	<b>10.709.860</b>

##### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	68.624.679.730	7.910.442
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	639.418.332	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.264.098.062</b>	<b>7.910.442</b>

##### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	181.280.397	2.867.283
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.153.226	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>191.433.623</b>	<b>2.867.283</b>

##### 6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	590.752.853	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	856.991	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>591.609.844</b>	<b>-</b>

##### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên bán hàng	4.910.383.689	-
Chi phí vật liệu bao bì	242.298.506	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.032.900.128	2.418.181
Chi phí khấu hao tài sản cố định	564.791.193	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.854.890.301	898.784.648
Chi phí bằng tiền khác	1.626.197.128	1.778.600
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.231.460.945</b>	<b>902.981.429</b>



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.938.110.291	-
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	132.675.262	11.500.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.737.550	-
Thuế, phí và lệ phí	203.498.335	7.790.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	662.762.895	82.398.584
Chi phí bằng tiền khác	672.734.626	28.757.908
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.639.518.959</b>	<b>130.446.492</b>

#### 6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	5.593.938.186	(1.027.671.065)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.846.295.246	-
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.027.671.065)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.412.562.367	(1.027.671.065)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.603.140.592	-
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo thông tư 140/TT-BTC ban hành ngày 21/08/2012	(480.942.178)	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>1.122.198.414</b>	<b>-</b>

#### 6.8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Lãi chưa thực hiện hàng tồn kho	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	-	-
Hạch toán là chi phí trong kết quả kinh doanh năm nay	333.857.926	333.857.926
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>333.857.926</b>	<b>333.857.926</b>

#### 6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	68.624.679.730	-
Chi phí mua hàng	49.388.773.911	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.407.873.896	13.918.181
Chi phí nhân công	8.848.493.980	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	594.528.743	-
Chi phí dự phòng	639.418.332	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.517.653.196	988.973.232
Chi phí khác bằng tiền	2.502.430.089	30.536.508
<b>Tổng cộng</b>	<b>148.523.851.877</b>	<b>1.033.427.921</b>

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho nam tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH Hafary Việt Nam PTE.	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Gốm sứ Việt	Công ty có cùng cá nhân nắm quyền kiểm soát

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.2	-	3.198.172.638
Phải trả – Xem thêm mục 5.9	16.691.703.491	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.691.703.491</b>	<b>3.198.172.638</b>

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay
<b>Công ty TNHH Hafary PTE.</b>	
Góp vốn đầu tư	11.882.800.000
Thặng dư vốn chủ sở hữu	36.129.653.400
<b>Công ty TNHH Gốm Sứ Việt</b>	
Bán hàng	5.545.966.185
Mua hàng	110.611.206.479
Mua tài sản cố định	1.135.257.609
Thanh toán tiền hàng	96.381.453.471

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.741.788.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.741.788.000</b>

#### 8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.10.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.749.579.221	173.658.520
Phải thu khách hàng	12.642.925.458	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn	3.387.263.448	1.250.040.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.779.768.127</b>	<b>1.423.698.520</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	17.118.136.939	220.566.500
Chi phí phải trả	2.174.200.826	92.707.359
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.292.337.765</b>	<b>313.273.859</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	3.260,25	-	100,19	100,40
Euro (EUR)	14.201,84	-	6.117,41	-



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	17.118.136.939	17.118.136.939
Chi phí phải trả	2.174.200.826	2.174.200.826
01/01/2012	Dưới 1 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	220.566.500	220.566.500
Chi phí phải trả	92.707.359	92.707.359

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	12.642.925.458	-	12.642.925.458
Ký quỹ, ký cược	666.815.448	2.720.448.000	3.387.263.448
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	-	1.250.040.000	1.250.040.000

#### 9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

### Thuyết minh báo cáo tài chính


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

#### 10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 05 tháng 02 năm 2013.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN XUÂN NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ HỒNG PHÚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ GÓM SỨ VIỆT**  
**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**





**VIET CERAMICS®**

*Cảm Hứng Cuộc Sống*

[www.vietceramics.com.vn](http://www.vietceramics.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GÓM SỨ VIỆT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012**